

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đô
điều và phòng, chống thiên tai áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đô điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 175/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc đề nghị công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đô điều và phòng, chống thiên tai áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đô điều và phòng, chống thiên tai áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các thủ tục hành chính tại Mục 8 Phần I; Mục 2 Phần III Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/hiện);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để c/đạo);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Các PCVP;
 - + Phòng KTN (để t/h);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/h);
- Viễn thông Kon Tum (để p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 487 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 03 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
I	Lĩnh vực: Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (03 TTHC)								
1	1.008408.000 .00.00.H34	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ	x	x	x
2	1.008409.000 .00.00.H34	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Khoản 2 Điều 13, Điều 15 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ	x	x	x
3	1.008410.000 .00.00.H34	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Điểm b khoản 2 Điều 14, Điều 15 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định	x	x	x

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 04 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
I	Lĩnh vực: Quản lý đô điều và Phòng, chống thiên tai (04 TTHC)								
1	1.010091.000 .00.00.H34	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	x	x	x
2	1.010092.000 .00.00.H34	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	x	x	x
3	2.002163.000 .00.00.H34	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ - Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ	x	x	x

4	2.002162.000 .00.00.H34	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính - Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ	x	x	x
---	----------------------------	--	---------------------	---	-------	--	---	---	---

Tổng cộng: 07 Thủ tục hành chính (trong đó: có 03 TTHC cấp tỉnh; 04 TTHC cấp xã).